

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2022/HS-ST
Ngày: 11-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Thanh Nhân

2/ Bà Trần Thị Nga

Thư ký phiên toà: Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Ngô Kiều Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 197/2022/TLST/HSST ngày 05 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2022/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: Trương Văn Đ ; giới tính: Nam; sinh năm 1976, tại tỉnh Hải Dương; hộ khẩu thường trú: Khu Bích Nhôi 1, thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm thuê; họ tên cha: Trương Văn Xẩn (chết); họ tên mẹ: Bé Thị Thúy; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo có vợ tên Vũ Thị Hằng và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Sau khi phạm tội, Cơ quan điều tra cho bị cáo tại ngoại điều tra, bị cáo bỏ trốn, cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã đối với bị cáo, ngày 06/02/2018 bắt được bị cáo đến ngày 13/02/2018, Cơ quan điều tra thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; sau đó bị cáo tiếp tục bỏ trốn Cơ quan điều tra ra Quyết

định truy nã đối với bị cáo; đến ngày 10/6/2022, bị cáo bị bắt giữ, tạm giam cho đến nay (có mặt).

Bị hại:

1. Bà Trương Ngọc Q, sinh năm: 1997 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
Nơi cư trú: 423/29 Á, phường T, quận P, Thành phố H.
2. Bà Trần Thị Mộng Nh, sinh năm: 1975 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
Nơi cư trú: D20/24 ấp 4, xã B, huyện H, Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Tư H, sinh năm: 1983 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
Nơi cư trú: 363 Đ, khu phố 3, Phường H, quận T, Thành phố H.
2. Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1968 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
Nơi cư trú: 222 T, Phường K, quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/10/2015, thông qua Trung tâm giới thiệu việc làm của ông Nguyễn Duy H thì Trương Văn Đ được ông Hiền giới thiệu đến làm việc tại quán cơm Thuận Kiều tại địa chỉ D7/16 Ấp 4, xã B, huyện C, Thành phố H do bà Trần Thị Mộng Nh làm chủ. Do không có tiền tiêu xài nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của quán bán lấy tiền tiêu xài. Ngày 02/11/2015, lợi dụng sơ hở tại quán Đ đã lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Mobell màu trắng của bà Nh để trên bếp, sau đó mang đến cửa hàng điện thoại di động Iphone Nguyễn H tại số 222 T, Phường T, quận B bán cho ông Nguyễn Đức H được 100.000 đồng và tiêu xài hết. Đến ngày 03/11/2015, Đ quay trở lại quán cơm thừa nhận hành vi lấy trộm điện thoại di động của bà Nh và năn nỉ bà Nh cho quay lại làm việc. Do giá trị điện thoại không lớn nên bà Nh đã bỏ qua và tiếp tục cho Đ làm việc lại tại quán cơm.

Đến sáng ngày 16/11/2015, Đ tiếp tục nảy sinh ý định lấy trộm tài sản trong quán mang đi bán kiếm tiền tiêu xài. Đ thu xếp đồ cá nhân bỏ vào ba lô và đi lục tìm tài sản để lấy trộm gồm: 01 máy tính xách tay hiệu Dell của bà Trương Ngọc Q (em họ của chị Nh); số tiền 125.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Oppo R827 màu đen của bà Q rồi bỏ tất cả tài sản chiếm đoạt được vào trong ba lô mang ra khu vực bến xe Đ, đến cửa hàng điện thoại di động Thanh H tại địa chỉ 363 L, Phường 26, quận B bán chiếc điện thoại di động hiệu Oppo R827 cho ông Nguyễn Tư H với giá 1.100.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 19/11/2015, Đ quay lại cửa hàng điện thoại di động Thanh H bán máy vi tính xách tay hiệu Dell cho ông H với giá 700.000 đồng và tiêu xài hết. Ngày 21/11/2015, Đ đến Trung tâm giới thiệu việc làm của ông H để tiếp tục nhờ xin

việc làm thì bị ông H giữ lại báo Công an. Công an xã B lập hồ sơ ban đầu, đưa Đ đi chỉ điểm thu giữ vật chứng, sau đó chuyển vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh điều tra, xử lý.

Kết luận định giá tài sản số 2155/KL-HĐĐGTS ngày 15/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Bình Chánh xác định:

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo R827 trị giá: 3.192.000 đồng;
- 01 điện thoại di động hiệu Mobell Tap 7 trị giá: 1.800.000 đồng;
- 01 máy tính xách tay hiệu Dell đời máy Lattitude D630 Intel, Core TM 2, Ram 2 GB trị giá: 1.920.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Trương Văn Đ chiếm đoạt là 7.037.000 đồng.

Vật chứng vụ án thu giữ được gồm: 01 điện thoại di động hiệu Mobell Tap 7 và 01 máy tính xách tay hiệu Dell. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đã trả lại cho bà Trần Thị Mộng Nh.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh thì bị cáo Trương Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên, phù hợp lời khai của các bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 177/CT - VKS ngày 03 tháng 10 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trương Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa bị cáo Trương Văn Đ đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố sau khi nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất của vụ án những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Xử phạt bị cáo Trương Văn Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Bị hại bà Trần Thị Mộng Nh, bà Trương Ngọc Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nội dung đơn thể hiện đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì về dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Tư H, ông Nguyễn Đức H vắng mặt, lời khai tại Cơ quan điều tra thể hiện ông không yêu cầu gì về dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Chánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị cáo trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo phạm tội vào thời điểm (tháng 11 năm 2015) Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) chưa có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xét xử bị cáo là phù hợp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Trương Văn Đ tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra (BL: 135 - 149); phù hợp với lời khai của các bị hại bà Trương Ngọc Q, Trần Thị Mộng Nh (BL: 107 – 112, 113 - 119) phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án; vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai; thu giữ vật chứng, kết quả định giá tài sản...cùng các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong các ngày 05/11 và ngày 16/11/2015, bị cáo Trương Văn Đ đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Oppo R827 trị giá 3.192.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Mobell Tap 7 trị giá 1.800.000 đồng; 01 máy tính xách tay hiệu Dell đời máy Lattitube D630 Intel, Core TM 2, Ram 2 GB trị giá: 1.920.000 đồng và số tiền 125.000 đồng của bà Trần Thị Mộng Nh và bà Trương Thị Qu tại quán cơm Thuận Kiều ở địa chỉ D7/16, ấp 4, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh. Tổng giá trị tài sản mà Trương Văn Đ chiếm đoạt là 7.037.000 đồng. (Theo Kết luận định giá số 2155/KL-HĐĐGTS ngày 15/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Bình Chánh).

Với những tình tiết được chứng minh trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trương Văn Đ đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); nên Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo với tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội.

[3] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích phạm tội là muốn có tiền tiêu xài cho bản thân. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng bản tính tham lam, biếng lười lao động nên bị cáo cố ý phạm tội. Tội phạm

bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội, tạo tâm lý hoang mang cho nhân dân. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Sau khi bị cáo phạm tội Cơ quan Cảnh sát điều tra cho bị cáo tại ngoại điều tra, bị cáo đã bỏ trốn và đã bị Cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã đối với bị cáo 02 lần. Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét xử lưu ý đến tình tiết này của bị cáo mà có mức án nghiêm.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cân nhắc đến các tình tiết bị cáo thành khẩn khai báo và đã tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hiện bị cáo bị bệnh lao, viêm phổi nặng, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi giao trả cho các bị hại một phần. Xét các tình tiết giảm nhẹ nêu trên để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt được quy định tại các điểm h, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đã làm thủ tục giao trả lại cho bị hại bà Trần Thị Mộng Nh 01 điện thoại di động hiệu Mobell Tap 7 và 01 máy tính xách tay hiệu Dell, theo Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật được lập vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 01/12/2015, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với số tiền 125.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu OPPO R827, Cơ quan cảnh sát điều tra không thu hồi được nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về dân sự:

Bị hại bà Trần Thị Mộng Nh đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Bị hại bà Trương Ngọc Quý không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Tư H không yêu cầu bị cáo trả lại cho ông số tiền 1.800.000 đồng (ông trả cho bị cáo mua điện thoại di động hiệu OPPO R827 và máy tính xách tay hiệu Dell) ông Nguyễn Đức H không yêu cầu bị cáo trả lại 100.000 đồng (mua điện thoại di động hiệu Mobell). Xét thấy việc các đương sự trên từ bỏ quyền yêu cầu được bồi thường là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét không buộc bị cáo nộp lại số tiền trên đề nộp vào ngân sách Nhà nước là phù hợp với tinh thần tại mục 3 Công văn số 233/TANDTC-PC ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân tối cao.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 138; điểm h, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Căn cứ Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Trương Văn Đ đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trương Văn Đ 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2022 nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 06/02/2018 đến ngày 13/02/2018.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- CA H. BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Sở Tư pháp, TP. HCM;
- Phòng hồ sơ, CA TP. HCM PV06;
- Trại tạm giam đang giam, giữ bị cáo;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Hoàng Sơn